

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn N ; Sinh năm 1970

và vợ là Nguyễn Thị O ; Sinh năm 1975

Người được chỉ Nguyễn Thị O ủy quyền: Anh Trần Văn N c; Sinh năm 1970

Đều cư trú tại: Số nhà 141, Đường 15/2, Khu phố L L , thị trấn L Ch , huyện L C , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn H , xã T Ó , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phạm Thị T còn nợ của anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị O 40.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc.

-Lãi của 100.000.000đ tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày 05/8/2022 là 31 tháng 100.000.000đ x 1,5%/tháng x 31 tháng = 46.500.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

-Lãi của 40.000.000đ tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/8/2022 là 31 tháng 40.000.000đ x 1,5%/tháng x 31 tháng = 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi chị Phạm Thị T y có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị O là 205.100.000đ (Hai trăm linh năm triệu một trăm nghìn đồng).

2.2.Chị Phạm Thị T tự nguyện thỏa thuận. Chị Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị O là 205.100.000đ (Hai trăm linh năm triệu một trăm nghìn đồng).

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của BLTTDS; Khoản đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Văn N là 5.085.000đ (Năm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008679 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

5. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-VKS cùng cấp

-THA dân sự

-GĐA

-Các đương sự,

....

-Lưu hs

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên